

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 06-3-2019

V/v ly hôn giữa chị Th và anh C

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Tăng

Các thẩm phán: Bà Lương Hải Yến

Bà Đỗ Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh – Thư ký Tòa án

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình: Bà Bùi Thị Hằng -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019 tại phòng xét xử - Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Do bản án sơ thẩm số 83/2018/HNGĐ-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2019/QĐ - PT ngày 19/02/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Th – sinh năm 1985

Nơi đăng ký HKTT: Tiểu khu xy, xã Ch, thành phố S, tỉnh Sơn La

Trú tại: Số nhà abc, tổ x phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La

Bị đơn: Anh Đỗ Xuân C – sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình

Người kháng cáo: Anh Đỗ Xuân C là bị đơn

(Anh C, chị Th có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn –
chị Hoàng Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Xuân C tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 12 năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng ở thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình một thời gian ngắn thì vợ chồng chuyển lên Hà Nội sinh sống và làm việc. Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đến tháng 8 năm 2013 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh S để sinh sống. Chị và anh C chính thức sống ly thân từ tháng 8 năm 2013 đến nay, không quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay lại chung sống với nhau được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có một con chung là Đỗ Thùy D, sinh ngày 10/5/2012, hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, con D đang sinh hoạt và học tập ổn định. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị và anh C không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh Đỗ Xuân C nhiều lần nhưng anh C không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã về địa phương để xác minh và tiến hành lấy lời khai của bố đẻ anh C là ông Đỗ Xuân P. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 10 năm 2018, ông Đỗ Xuân P trình bày: Anh C và chị Th tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình vào 28/12/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị Th chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì anh C bị tai nạn giao thông phải nghỉ làm để chữa bệnh, chị Th về quê ở S để chữa bệnh dạ dày và ở luôn đó đến nay không quay về chung sống cùng anh C nữa. Nay chị Th có đơn xin ly hôn anh C, quan điểm của gia đình mong muốn vợ chồng chị Th anh C về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con khôn lớn, trưởng thành. Quá trình chung sống anh C và chị Th có một con chung là Đỗ Thùy D, sinh ngày 10/5/2012 hiện nay đang ở cùng chị Th. Nếu vợ chồng anh C và chị Th ly hôn thì gia đình ông có nguyện vọng để con chung cho anh C trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Theo ông biết thì anh C và Th không có tài sản gì chung, không có nợ chung. Hiện tại anh C đang đi làm ăn ở tỉnh ngoài nhưng vẫn thường xuyên về thăm gia đình, mới gần đây anh C về ông đã giao toàn bộ

các văn bản mà Tòa án giao cho anh C. Anh C đã nhận nhưng không có ý kiến gì và cũng không nói cho ông biết là đang làm gì và ở địa chỉ nào.

Tại biên bản xác minh ngày 16 tháng 10 năm 2018, UBND xã N cung cấp như sau: Hiện nay anh Đỗ Xuân C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. Anh Đỗ Xuân C và chị Hoàng Thị Th tự nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã Nhuyên T, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 12 năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng ở thôn A, xã N một thời gian, sau đó hai vợ chồng đi làm ăn, sinh sống tại Hà Nội. Đến năm 2014 anh C bị tai nạn giao thông phải nghỉ việc để chữa bệnh, anh C về nhà bố mẹ đẻ ở thôn A xã N để sinh sống với cùng gia đình một thời gian rồi lại làm ăn ở tỉnh ngoài nhưng thường xuyên về thăm gia đình còn chị Th bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh S sinh sống từ đó đến nay không thấy quay về sống cùng anh C. Quá trình chung sống anh C và chị Th có một con chung Đỗ Thùy D, sinh ngày 10/5/2012 hiện đang ở cùng chị Th. Nay chị Th có đơn xin ly hôn anh C và xin được tiếp tục nuôi con, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ tài sản chung của anh C và chị Th thì địa phương không nắm được.

Bản án sơ thẩm số 83/2018/HNGĐ-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình đã áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Th được ly hôn anh Đỗ Xuân C.

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Thùy D sinh ngày 10 tháng 5 năm 2012 cho chị Hoàng Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị Th không yêu cầu anh Đỗ Xuân C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị. Khi nào đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Anh Đỗ Xuân C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/12/2018 anh Đỗ Xuân C kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm

Ngày 21/01/2019 anh C có đơn trình bày: Anh rất mong muốn hai vợ chồng quay lại chung sống với nhau để chăm sóc con cái. Trong trường hợp chị Th không muốn về chung sống với anh thì anh xin được nuôi con vì bản thân anh không may bị tai nạn cần có con cái bên cạnh để động viên anh vượt qua khó khăn về tinh thần. Anh cam kết anh có đủ điều kiện để nuôi con ăn học như những người khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đỗ Xuân C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ, nếu chị Th cương quyết xin ly hôn anh sẽ nhận nuôi con và không yêu cầu chị Th góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Hoàng Thị Th trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh C đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị mới quyết định làm đơn xin ly hôn anh C, chị không đồng ý đoàn tụ gia đình với anh C. Hiện tại cháu Th đang sống với chị rất tốt và phát triển ổn định, chị không ngăn cản quyền thăm nom con chung của anh C. Chị đề nghị HĐXX giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã kết luận quá trình thực hiện tố tụng của Hội đồng xét xử, các đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của Đỗ Xuân C, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Đỗ Xuân C đã nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, cần chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Xuân C thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị Th đều xác định vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay, chị Th đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh S để sinh sống và làm việc. Anh C đã tìm mọi biện pháp để thuyết phục chị Th trở về đoàn tụ nhưng chị Th cương quyết không quay trở lại chung sống cùng anh C nữa. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, án sơ thẩm xử cho chị Th ly hôn anh C là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về quan hệ con chung: Anh C và chị Th có một con chung là Đỗ Thùy D sinh ngày 10 tháng 5 năm 2012. Hiện tại cháu Đỗ Thùy D đang ở cùng chị Th,

cháu đang học tập và phát triển bình thường. Bản thân cháu là con gái, cần có sự chăm sóc giúp đỡ của người mẹ. Chị Th hiện tại có việc làm, thu nhập và nơi ở ổn định (Đang công tác ở Sở nội vụ tỉnh S), đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Tại phiên tòa phúc thẩm anh C xác nhận con chung do chị Th nuôi dưỡng đang học tập và phát triển bình thường. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Xuân C; bản án sơ thẩm xử giao con chung cho chị Hoàng Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đúng pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Xuân C không được chấp nhận, nên anh Đỗ Xuân C phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 58, khoản 1, 3 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Xuân C.

2. Xử giữ nguyên bản án 83/2018/HNGĐ-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình.

-Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Th được ly hôn anh Đỗ Xuân C.

- Về con chung: Giao con chung Đỗ Thùy D sinh ngày 10 tháng 5 năm 2012 cho chị Hoàng Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đỗ Xuân chưa phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị Th. Anh Đỗ Xuân C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Anh Đỗ Xuân C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh Đỗ Xuân C nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0008934 ngày 26/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí. Đối trừ nghĩa vụ, anh Đỗ Xuân C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

-VKSND tỉnh Thái Bình

-TAND huyện T

-Chi cục THA huyện T

-Các đương sự

-Lưu Hồ sơ vụ án

-Lưu HCTP

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đỗ Mạnh Tăng